

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT VÀ THƯƠNG MẠI MINH LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MINH LONG TRADING AND PRODUCTION INVESTMENTS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: MINH LONG TPI.,JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0109085918

3. Ngày thành lập: 11/02/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 4, Ngõ 38/16 đường Thanh Bình, tổ 8, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: a) Dịch vụ môi giới bất động sản; b) Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản; c) Dịch vụ tư vấn bất động sản; d) Dịch vụ quản lý bất động sản	6820
2.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
3.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
4.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô	4931

5.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4932
6.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng Chi tiết: Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai Sản xuất đồ uống không cồn	1104
7.	Sản xuất sợi	1311
8.	Sản xuất vải dệt thoi	1312
9.	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
10.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
11.	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
12.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
13.	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
14.	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
15.	Máy trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
16.	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
17.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
18.	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
19.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
20.	Sản xuất giày, dép	1520
21.	In ấn	1811
22.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
23.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
24.	Xây dựng nhà để ở	4101
25.	Xây dựng nhà không để ở	4102
26.	Phá dỡ	4311
27.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
28.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
29.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
30.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy	4329
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
33.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
34.	Xây dựng công trình điện	4221
35.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
36.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

37.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế nội thất công trình - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng - công nghiệp; - Thiết kế cơ - điện công trình; - Thiết kế cấp - thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. - Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật; - Giám sát công tác xây dựng công trình giao thông; - Giám sát công tác xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn. - Thiết kế phòng cháy chữa cháy	7110
38.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
39.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
40.	Xây dựng công trình thủy	4291
41.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
42.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
43.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
44.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
45.	Bán buôn thực phẩm	4632
46.	Bán buôn đồ uống	4633
47.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
48.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
49.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
50.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
51.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến Bán buôn xi măng Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi Bán buôn kính xây dựng Bán buôn sơn, vécni Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh Bán buôn đồ ngũ kim Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

52.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp) Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Bán buôn vật tư, dụng cụ, trang phục, phương tiện, đồ dung, trang thiết bị ngành bảo hộ lao động Bán buôn trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, thiết bị cứu hộ, cứu nạn, trang thiết bị bảo vệ môi trường Mua bán thiết bị bảo hộ lao động	4669(Chính)
53.	Bán buôn tổng hợp	4690
54.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
55.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket) Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket) Bán lẻ trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
56.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
57.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
58.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
59.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
60.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
61.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
62.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
63.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
64.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
65.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa Môi giới mua bán hàng hóa	4610

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHÙNG THỊ THÚY NGÀ	Số 4, Ngõ 38/16 đường Thanh Bình, tổ 8, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	99.000	990.000.000	49,500	001182020993	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	99.000	990.000.000	49,500		
2	VŨ MINH THẢO	Phòng 2102 chung cư Xuân Mai, số 150 đường Thanh Bình, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	1.000	10.000.000	0,500	001085001145	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	1.000	10.000.000	0,500		

3	VŨ QUANG HUY	Số 4, Ngõ 38/16 đường Thanh Bình, tổ 8, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	100.000	1.000.000.000	50,000	001081018245
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	100.000	1.000.000.000	50,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHÙNG THỊ THÚY NGÀ

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/10/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001182020993

Ngày cấp: 28/02/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 4, Ngõ 38/16 đường Thanh Bình, tổ 8, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 4, Ngõ 38/16 đường Thanh Bình, tổ 8, Phường Mộ Lao, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội